

**CHÍNH PHỦ**

Số: 87/2005/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Về đăng ký kinh doanh hợp tác xã****CHÍNH PHỦ***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26 tháng 11 năm 2003;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,***NGHỊ ĐỊNH:***Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

**2. Nghị định này áp dụng đối với:**

a) Hợp tác xã tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2003;

b) Hợp tác xã đã thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996, nay chuyển sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2003;

c) Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp.

**3.** Đối với hợp tác xã kinh doanh ngành nghề có điều kiện theo quy định của luật chuyên ngành, trong trường hợp những nội dung trong Nghị định này và Nghị định chuyên ngành có sự khác nhau thì hợp tác xã thực hiện theo quy định của Nghị định chuyên ngành.

**Điều 2.** Quyền đăng ký kinh doanh

1. Thành lập và đăng ký kinh doanh hợp tác xã theo quy định của pháp luật là quyền của cá nhân và tổ chức được Nhà nước bảo hộ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không được ban hành các quy định về đăng ký kinh doanh áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình.

3. Nghiêm cấm cơ quan đăng ký kinh doanh sách nhiễu, gây phiền hà đối với tổ chức, cá nhân trong khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết việc đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

### **Điều 3.** Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

### **Điều 4.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**1. Nội dung chủ yếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:**

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

b) Ngành, nghề kinh doanh;

c) Vốn điều lệ hợp tác xã.

**2.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã lập theo mẫu thống nhất trong phạm vi cả nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

**3.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc cấp huyện cấp cho hợp tác xã đều có giá trị như nhau và có hiệu lực trong phạm vi toàn quốc.

### **Điều 5.** Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã.

2. Hướng dẫn hợp tác xã đăng ký kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành, nghề đó.

3. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin về hợp tác xã trong phạm vi địa phương; cung cấp thông tin về hợp tác xã trong phạm vi địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở cấp tỉnh, các phòng cấp huyện có liên quan và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ, cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

4. Khi xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh, nếu phát hiện nội dung đăng ký

kê khai không chính xác, không đầy đủ thì yêu cầu người đăng ký kinh doanh hiệu đính hoặc làm lại hồ sơ đăng ký kinh doanh; nếu phát hiện nội dung đăng ký kê khai là giả mạo thì từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

5. Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã theo nội dung đăng ký kinh doanh.

6. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

**Điều 6.** Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh

Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

**Điều 7.** Chế độ thông tin, báo cáo đăng ký kinh doanh

1. Trong thời hạn ba tháng, kể từ khi Nghị định này có hiệu lực, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tập hợp danh mục hợp tác xã trùng tên và hợp tác xã có tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã khác trên phạm vi địa phương; Trung tâm thông tin doanh nghiệp (thuộc Cục Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tập hợp và đưa danh

mục hợp tác xã trùng tên và hợp tác xã có tên gây nhầm lẫn với hợp tác xã khác trong cả nước lên trang thông tin doanh nghiệp trong nước của hệ thống thông tin doanh nghiệp quốc gia.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp thực hiện báo cáo và thông báo kết quả đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003.

3. Hàng quý, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình đăng ký kinh doanh của hợp tác xã thuộc địa bàn tỉnh.

## Chương II

### TÊN, BIỂU TƯỢNG CỦA HỢP TÁC XÃ

**Điều 8.** Tên của hợp tác xã

**1. Tên của hợp tác xã gồm hai thành tố sau:**

- a) Hợp tác xã;
- b) Tên riêng.

Tên riêng phải viết được bằng tiếng Việt, có thể kèm theo một số chữ cái, chữ số và ký hiệu, phát âm được.

**2.** Hợp tác xã có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh hay ký hiệu phụ trợ khác để cấu thành tên hợp tác xã.

**3.** Tên viết tắt, con dấu, bảng hiệu của hợp tác xã, các hình thức quảng cáo, giới thiệu, giấy tờ giao dịch của hợp tác xã phải có ký hiệu "HTX", liên hiệp hợp tác xã phải có ký hiệu "LHHTX" và phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được bảo hộ theo quy định của pháp luật.

**Điều 9.** Những điều cấm trong đặt tên hợp tác xã

1. Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã khác trong phạm vi toàn quốc đã đăng ký.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho hợp tác xã.

**Điều 10.** Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài tương ứng. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hợp tác xã có thể giữ nguyên tên tiếng Việt hoặc dịch tương ứng toàn bộ tên tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

**Điều 11.** Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là trường hợp tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký được viết và đọc bằng tiếng Việt hoàn toàn giống với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký.

**2. Các trường hợp sau đây được coi là gây nhầm lẫn với tên của các hợp tác xã khác:**

a) Tên bằng tiếng Việt của hợp tác xã yêu cầu đăng ký được đọc giống như tên hợp tác xã khác đã đăng ký;

b) Tên bằng tiếng Việt của hợp tác xã yêu cầu đăng ký chỉ khác tên hợp tác xã đã đăng ký bởi chữ "và" và ký hiệu "&"

c) Tên viết tắt của hợp tác xã yêu cầu đăng ký trùng với tên viết tắt của hợp tác xã khác đã đăng ký;

d) Tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã yêu cầu đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã khác đã đăng ký;

đ) Tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký khác với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký bởi số tự nhiên, số thứ tự, một hoặc một số chữ cái tiếng Việt (A, B, C,...) ngay sau tên riêng của hợp tác xã đó, trừ trường hợp hợp tác xã yêu cầu đăng ký là thành viên của liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

e) Tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký khác với tên của hợp tác xã khác đã đăng ký bởi từ "tân" ngay trước hoặc "mới"

ngay sau tên của hợp tác xã khác đã đăng ký;

g) Tên của hợp tác xã yêu cầu đăng ký chỉ khác tên của hợp tác xã khác đã đăng ký bởi các từ “Bắc”, “miền Bắc”, “Nam”, “miền Nam”, “Trung”, “miền Trung”, “Tây”, “miền Tây”, “Đông”, “miền Đông”, trừ trường hợp hợp tác xã yêu cầu đăng ký là thành viên của liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

h) Các trường hợp tên gây nhầm lẫn khác theo quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **Điều 12.** Biểu tượng của hợp tác xã

1. Biểu tượng của hợp tác xã là ký hiệu riêng của mỗi hợp tác xã phản ánh đặc trưng và phân biệt với biểu tượng của các hợp tác xã khác đã đăng ký.

2. Hợp tác xã tự chọn biểu tượng của mình phù hợp với đạo đức, truyền thống văn hóa dân tộc và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Biểu tượng của hợp tác xã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 13.** Các vấn đề khác liên quan đến đặt tên hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm công khai tên hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh để các hợp tác xã khác biết tránh gây trùng, nhầm lẫn tên hợp tác xã.

2. Các hợp tác xã đăng ký trước khi Nghị định này có hiệu lực có tên gây

nhầm lẫn với tên hợp tác xã khác không bị buộc phải đăng ký đổi tên.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết việc đặt tên hợp tác xã quy định tại Chương này.

### *Chương III*

## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KINH DOANH

### **Điều 14.** Hồ sơ đăng ký kinh doanh

Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp tác xã bao gồm:

1. Đơn đăng ký kinh doanh lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

2. Điều lệ hợp tác xã.

3. Số lượng xã viên, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã hoặc danh sách hợp tác xã thành viên, Hội đồng quản trị đối với liên hiệp hợp tác xã.

4. Biên bản đã thông qua tại hội nghị thành lập hợp tác xã.

**Điều 15.** Trình tự và thủ tục đăng ký kinh doanh

Trình tự và thủ tục đăng ký kinh doanh được thực hiện như sau:

1. Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh đã chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hợp tác xã năm 2003; liên hiệp hợp

tác xã nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Hợp tác xã năm 2003.

Hợp tác xã có thể gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh qua địa chỉ thư điện tử (Email) của cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng phải nộp bản chính thức khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để cơ quan đăng ký kinh doanh đối chiếu và lưu hồ sơ.

Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu hợp tác xã nộp thêm bất kỳ giấy tờ nào khác ngoài hồ sơ quy định tại Điều 14 Nghị định này.

**2.** Cơ quan đăng ký kinh doanh phải trao giấy biên nhận, chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ khi tiếp nhận, không chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã xảy ra sau đăng ký kinh doanh.

**3.** Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm;

c) Tên của hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 8, 9, 10 và 11 Nghị định này.

d) Có vốn điều lệ;

Đối với hợp tác xã đăng ký kinh doanh ngành, nghề mà quy định phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ hợp tác xã không được thấp hơn vốn pháp định.

đ) Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

**4.** Hợp tác xã có tư cách pháp nhân và có quyền hoạt động theo nội dung đăng ký kinh doanh, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

**5. Trường hợp hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề có điều kiện:**

a) Đối với ngành, nghề phải có giấy phép kinh doanh thì hợp tác xã được kinh doanh những ngành, nghề đó kể từ khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh. Việc cấp Giấy phép kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện theo quy định của pháp luật được tiến hành độc lập với việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã;

b) Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện nhưng không cần giấy phép thì hợp tác xã được kinh doanh những ngành, nghề đó kể từ khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật;

c) Đối với ngành, nghề phải có vốn pháp định thì hợp tác xã được kinh

doanh những ngành, nghề đó khi hợp tác xã có đủ vốn pháp định theo quy định của pháp luật;

d) Đối với ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003;

đ) Trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề có điều kiện đòi hỏi phải có giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hợp pháp xác nhận vốn pháp định thì hợp tác xã phải gửi bản sao hợp lệ giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hợp pháp xác nhận vốn pháp định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho hợp tác xã đối với các ngành, nghề đó đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã.

**6.** Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc tên hợp tác xã được đặt không đúng theo quy định thì cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã biết trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận hồ sơ. Thông báo phải nêu rõ nội dung cần sửa đổi và cách thức sửa đổi. Quá thời hạn trên mà không có thông báo thì hồ sơ đăng ký kinh doanh được coi là hợp lệ; trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải trả lời bằng văn bản.

**Điều 16.** Đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã

**1.** Hợp tác xã thành lập chi nhánh hạch toán phụ thuộc không có vốn điều lệ hoặc văn phòng đại diện phải tiến hành đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

**2.** Khi lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã phải gửi thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

b) Ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã;

c) Tên chi nhánh, văn phòng đại diện dự định thành lập; tên phải kèm theo chữ "Chi nhánh" đối với đăng ký thành lập chi nhánh và chữ "Văn phòng đại diện" đối với trường hợp đăng ký thành lập văn phòng đại diện;

d) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã;

đ) Tên và địa chỉ trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện;

e) Nội dung, phạm vi hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;

g) Họ tên, nơi cư trú, số chứng minh nhân dân của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

**3. Kèm theo thông báo quy định**

**tại khoản 2 Điều này, hợp tác xã phải có:**

a) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, cử người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện và biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

**4.** Nếu ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phù hợp với nội dung hoạt động của hợp tác xã thì trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

**5.** Trường hợp hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản tới cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký kinh doanh.

**6.** Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật Việt Nam và quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày chính thức mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký kinh doanh.

**Điều 17.** Đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã

**1.** Khi thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh, hợp tác xã phải gửi thông báo đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký;

d) Ngành, nghề đăng ký bổ sung hoặc thay đổi;

đ) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.



**2.** Kèm theo thông báo quy định tại khoản 1 Điều này phải có biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

**3.** Đối với thay đổi, bổ sung ngành, nghề phải có vốn pháp định thì phải có thêm xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc chứng chỉ hợp pháp chứng minh số vốn pháp định của hợp tác xã.

**4.** Đối với thay đổi, bổ sung ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

**5.** Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh phải trao giấy biên nhận và thực hiện đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc).

**Điều 18.** Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã

**1.** Khi thay đổi nơi đăng ký kinh doanh, hợp tác xã phải gửi thông báo tới cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để rút hồ sơ. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Nơi đã đăng ký kinh doanh; nơi đăng ký kinh doanh mới dự định chuyển đến;

d) Lý do chuyển nơi đăng ký kinh doanh;

đ) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị và biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã.

**2.** Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cũ phải trao giấy biên nhận và trao lại đầy đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc).

**3.** Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh mới và thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

**Điều 19.** Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã

**1.** Khi chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, hợp tác xã gửi thông báo đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến;

d) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã.

Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh mới phải trao giấy biên nhận và thực hiện đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính cho hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc).

Sau thời hạn 07 ngày mà hợp tác xã không được đăng ký thay đổi trụ sở chính thì hợp tác xã vẫn có quyền chuyển sang trụ sở mới, nhưng phải gửi thông báo địa chỉ trụ sở mới cho tất cả các chủ nợ, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới và cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã trước khi chuyển địa chỉ.

**2.** Khi chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang tỉnh khác, hợp tác xã gửi thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới theo nội dung quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã.

Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới đăng ký việc chuyển đổi địa chỉ trụ sở chính cho hợp tác xã, trong thời hạn 15 ngày (ngày làm việc).

Sau thời hạn 15 ngày (ngày làm việc) mà hợp tác xã không được đăng ký thay đổi trụ sở chính thì hợp tác xã vẫn có quyền chuyển sang trụ sở mới, nhưng phải gửi thông báo về địa chỉ trụ sở mới cho tất cả các chủ nợ, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã và cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở mới trước khi chuyển địa chỉ.

**3.** Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã.

### **Điều 20.** Đăng ký đổi tên hợp tác xã

**1.** Khi đổi tên, hợp tác xã gửi thông báo đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hiện tại của hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Tên dự kiến thay đổi;

d) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo phải có quyết

định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc đổi tên hợp tác xã.

2. Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh phải trao giấy biên nhận và thực hiện đăng ký đổi tên cho hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc), nếu tên dự kiến thay đổi của hợp tác xã không trái với quy định về đặt tên hợp tác xã.

3. Trường hợp tên của hợp tác xã trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã đã đăng ký thì trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã biết, đồng thời hướng dẫn hợp tác xã chọn tên khác. Sau khi hợp tác xã thực hiện đúng các yêu cầu trên, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện đăng ký thay đổi tên cho hợp tác xã.

4. Việc thay đổi tên của hợp tác xã không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã.

**Điều 21.** Đăng ký thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã

1. Trường hợp hợp tác xã khai trừ xã viên, có xã viên ra khỏi hợp tác xã hoặc kết nạp xã viên mới làm thay đổi số lượng xã viên thì hợp tác xã gửi thông báo đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Tổng số xã viên trước khi thay đổi; tổng số xã viên mới.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc khai trừ xã viên, kết nạp xã viên mới, xã viên ra khỏi hợp tác xã làm thay đổi số lượng xã viên hợp tác xã.

2. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã thì hợp tác xã gửi thông báo đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chức danh, chữ ký và nơi cư trú của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của hợp tác xã; danh sách Ban quản trị, Ban kiểm soát đã thay đổi của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc thay đổi người đại diện theo

pháp luật của hợp tác xã, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, thành viên Ban Quản trị hợp tác xã được thay đổi là người duy nhất có chứng chỉ hành nghề đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì kèm theo thông báo phải có bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người đã thay thế.

**3.** Kể từ ngày nhận thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh phải trao giấy biên nhận và thực hiện đăng ký thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc).

**Điều 22.** Đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã

**1.** Khi hợp tác xã có vốn điều lệ thay đổi thì hợp tác xã phải gửi thông báo đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Ngành, nghề kinh doanh;

d) Mức vốn điều lệ đã đăng ký, mức vốn điều lệ dự kiến đăng ký thay đổi, phương thức và thời điểm thay đổi vốn;

đ) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc thay đổi vốn điều lệ của hợp tác xã.

**2.** Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh phải trao giấy biên nhận và thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ cho hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc).

**3.** Trường hợp giảm vốn điều lệ đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định thì cơ quan đăng ký kinh doanh chỉ đăng ký giảm vốn điều lệ, nếu mức vốn điều lệ đăng ký sau khi giảm không thấp hơn mức vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó; hợp tác xã phải đồng thời gửi thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về vốn pháp định.

**Điều 23.** Đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi

**1.** Khi sửa đổi Điều lệ hợp tác xã phải gửi thông báo sửa đổi Điều lệ hợp tác xã đến cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã. Nội dung thông báo gồm có:

a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;

c) Ngành, nghề kinh doanh;

d) Điều lệ sửa đổi;

đ) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên về việc sửa đổi Điều lệ hợp tác xã và Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung.

**2.** Kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh phải trao giấy biên nhận và thực hiện đăng ký Điều lệ sửa đổi cho hợp tác xã trong thời hạn 07 ngày (ngày làm việc).

**Điều 24.** Đăng ký kinh doanh hợp tác xã chia, tách, hợp nhất và sáp nhập.

**1. Đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã chia**

Hợp tác xã được chia và hợp tác xã bị chia thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Hợp tác xã năm 2003 và các quy định của Nghị định này.

**2. Đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã tách:**

a) Hợp tác xã được tách thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Hợp tác xã năm 2003 và các quy định của Nghị định này;

b) Hợp tác xã bị tách thực hiện đăng ký

thay đổi hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 và Điều 23 Nghị định này.

**3. Đăng ký kinh doanh hợp tác xã hợp nhất:**

a) Hợp tác xã hợp nhất thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm c, d và đ khoản 2 Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2003 và các quy định của Nghị định này;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các hợp tác xã bị hợp nhất phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các hợp tác xã đó; hợp tác xã bị hợp nhất phải nộp con dấu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**4. Đăng ký kinh doanh hợp tác xã sáp nhập:**

a) Hợp tác xã sáp nhập thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2003 và các quy định của Nghị định này;

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã bị sáp nhập phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các hợp tác xã đó; hợp tác xã bị sáp nhập phải nộp con dấu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 25.** Thông báo tạm ngừng hoạt động

**1. Hợp tác xã tạm ngừng hoạt động**

phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã, cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã (nếu có) và cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê ít nhất 15 ngày (ngày làm việc) trước khi tạm ngừng hoạt động. Nội dung thông báo gồm có:

- a) Tên hợp tác xã, số đăng ký kinh doanh, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- b) Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;
- c) Ngành, nghề kinh doanh;
- d) Thời hạn tạm ngừng hoạt động, ngày bắt đầu và ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng hoạt động. Thời hạn tạm ngừng hoạt động tối đa là 12 tháng;
- đ) Lý do tạm ngừng hoạt động;
- e) Họ tên, số chứng minh nhân dân, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

**2.** Kèm theo thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này phải có biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên, quyết định bằng văn bản của Ban Quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã.

**3.** Cơ quan đăng ký kinh doanh nhận thông báo và ghi vào sổ theo dõi.

**Điều 26.** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**1.** Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể bắt buộc thì cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của hợp tác xã, đồng thời trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định giải thể bắt buộc khi hợp tác xã vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Hợp tác xã vi phạm một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã năm 2003;

b) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của hợp tác xã là giả mạo, không chính xác hoặc lợi dụng danh nghĩa hợp tác xã để hoạt động trái pháp luật, cơ quan đăng ký kinh doanh đã có văn bản thông báo cho người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, nhưng sau thời hạn ba tháng, kể từ ngày nhận được thông báo, hợp tác xã không tổ chức Đại hội xã viên để xử lý vi phạm; người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã không gửi biên bản hoặc nghị quyết của Đại hội xã viên, quyết định của Ban Quản trị đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

c) Hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề bị cấm, cơ quan đăng ký kinh doanh đã có văn bản yêu cầu hợp tác xã chấm dứt ngay việc kinh doanh ngành, nghề đó, nhưng sau khi nhận được thông báo, hợp tác xã vẫn tiếp tục kinh doanh ngành, nghề bị cấm;

d) Hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề

kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Cơ quan đăng ký kinh doanh đã có văn bản yêu cầu hợp tác xã ngừng ngay việc kinh doanh ngành, nghề đó nhưng sau khi nhận được thông báo, hợp tác xã vẫn tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đó;

đ) Hợp tác xã không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm, kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

e) Hợp tác xã chuyển trụ sở chính sang địa phương khác với nơi đăng ký trong thời hạn một năm mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

Sau khi Ủy ban nhân dân có quyết định giải thể bắt buộc đối với hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xóa tên hợp tác xã trong sổ đăng ký kinh doanh; hợp tác xã phải nộp ngay con dấu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **2. Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện thì việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được tiến hành như sau:**

a) Hợp tác xã gửi đơn xin giải thể và nghị quyết Đại hội xã viên về việc giải thể hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết hạn thanh toán nợ và thanh lý hợp

đồng mà hợp tác xã đã công bố, cơ quan đăng ký kinh doanh nhận đơn phải ra thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc xin giải thể của hợp tác xã.

Sau khi thông báo chấp thuận việc xin giải thể của hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và xóa tên hợp tác xã trong sổ đăng ký kinh doanh; hợp tác xã phải nộp ngay con dấu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**3.** Khi hợp tác xã có quyết định giải thể bắt buộc hoặc được chấp thuận giải thể tự nguyện, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã bị thu hồi thì việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hợp tác xã mặc nhiên có hiệu lực đối với chi nhánh, văn phòng đại diện và doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã (nếu có); người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, tất cả xã viên hợp tác xã liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán (nếu có), gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện của hợp tác xã đã được giải thể.

## **Điều 27. Quyền khiếu nại của hợp tác xã**

Hợp tác xã có quyền khiếu nại đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Sau thời hạn quy định, kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh, đăng ký

hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 15, 16 Nghị định này mà hợp tác xã không nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã hoặc hợp tác xã không đồng ý với quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã.

2. Sau thời hạn quy định, kể từ ngày gửi thông báo đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 và 23 Nghị định này đến cơ quan đăng ký kinh doanh mà hợp tác xã không nhận được đăng ký thay đổi, bổ sung kinh doanh theo quy định.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh không chấp thuận việc giải thể tự nguyện của hợp tác xã.

#### *Chương IV*

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 28.** Xử lý vi phạm

Cá nhân, tổ chức nào vi phạm các quy

định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì bị xử lý theo quy định tại Điều 50 Luật Hợp tác xã năm 2003.

#### **Điều 29.** Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 16/CP ngày 21 tháng 02 năm 1997 của Chính phủ về chuyển đổi, đăng ký hợp tác xã và tổ chức hoạt động của liên hiệp hợp tác xã.

#### **Điều 30.** Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**